

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ẨN DỤ Ý NIỆM “KINH TẾ LÀ BỆNH TẬT” TRÊN NGỮ LIỆU BÁO ĐIỆN TỬ TIẾNG VIỆT NGÔ TUYẾT PHƯƠNG*

TÓM TẮT: Vận dụng lí thuyết về *Ẩn dụ ý niệm* và trên cơ sở tìm hiểu cấu trúc ngữ nghĩa của phạm trù *Bệnh tật*, chúng tôi đã bước đầu chỉ ra một số mô hình ý niệm về *Bệnh tật* trong diễn ngôn báo chí tiếng Việt. Về cơ bản, sự chuyển di ý niệm từ các miền nguồn khác nhau sang miền đích bệnh tật chủ yếu theo cơ chế ẩn dụ. Các phạm trù *Bệnh tật* phóng chiếu mạnh mẽ sang các lĩnh vực kinh tế của đời sống xã hội. Qua những *Ẩn dụ ý niệm* này, bức tranh thế giới về *Bệnh tật* của người Việt được thể hiện sống động, rõ nét. Trong cách tri nhận của người Việt, *Bệnh tật* mang tính tiêu cực, thường ánh xạ sang các miền khác là những gì tiêu cực trong đời sống. Điều đó phản ánh sự đa dạng, phong phú trong tư duy người Việt cách tri nhận về thế giới.

TỪ KHÓA: ẩn dụ ý niệm; phạm trù; bệnh tật; kinh tế; báo điện tử.

NHẬN BÀI: 12/02/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/06/2024

1. Dẫn nhập

Ẩn dụ được áp dụng một cách rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày của chúng ta, từ các cuộc trò chuyện thông thường đến các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục và khoa học. Về cơ bản, ẩn dụ là một phần quan trọng của ngôn ngữ và văn hóa. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc truyền đạt ý nghĩa và tạo sự hiểu biết trong giao tiếp hàng ngày của con người.

Ẩn dụ ý niệm (cognitive/conceptual metaphor) “*đó là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận có chức năng biểu hiện và hình thành những ý niệm mới và không có nó thì không thể nhận được tri thức mới*” [Trần Văn Cơ, 2007, tr.293]. Theo các nhà ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ là một cơ chế tri nhận nhờ đó những tri giác liên tục, tương tự đã trải qua quá trình phạm trù hóa được đánh giá lại trong những bối cảnh ý niệm mới. Cơ chế tri nhận của ẩn dụ bao gồm hai miền NGUỒN và ĐÍCH tồn tại tiền giả định trong ý thức của con người, trong đó những thuộc tính của miền NGUỒN được ánh xạ, phóng chiếu lên miền ĐÍCH, cả hai miền NGUỒN và ĐÍCH đều là những ý niệm, được cấu trúc hoá theo mô hình trường-chức năng: trung tâm-ngoại vi, trong đó hạt nhân là khái niệm nằm ở *trung tâm*, mang tính phổ quát toàn nhân loại, và *ngoại vi* là những yếu tố ngôn ngữ, văn hoá dân tộc, nằm trong một “khung” hay “nền” văn hoá nhất định mang tính đặc thù. Như vậy, ẩn dụ ý niệm hướng tới khả năng tác động vào lĩnh vực trí tuệ của con người. Vì thế, ngôn ngữ học tri nhận trở thành một bộ phận của khoa học tri nhận, và nó là một bộ môn khoa học liên ngành, gắn bó mật thiết với các khoa học về tâm lí học tri nhận, trí tuệ nhân tạo, văn hoá học, triết học, thần kinh học, đặc biệt là nhân học, với thuyết “*Đĩ nhân vi trung*” (lấy con người làm trung tâm của vũ trụ). Như thế, ngôn ngữ học tri nhận trở thành bộ môn khoa học nghiên cứu sự nhận thức và ý niệm hoá của con người về thế giới quanh mình qua các biểu thức và các diễn ngữ ngôn ngữ, bằng cách lấy con người làm bản thể định vị giữa không gian, thời gian, và các nguyên tắc, sự kiện, hành động, tư tưởng, tôn giáo, niềm tin... của con người tương tác mật thiết với nhau trong không - thời gian ấy.

Theo Langacker (1987), một trong những luận thuyết cơ bản của ngôn ngữ học tri nhận là ngữ nghĩa học, là sự ý niệm hóa. Langacker quan niệm ý niệm gồm hai thành tố: hình bóng ý niệm (concept profile) và hình nền ý niệm (concept base). Hình bóng và hình nền có mối liên hệ chặt chẽ, không thể tách rời trong cấu trúc ý niệm.

Các nhà tâm lí học Gestal đã chứng minh, khi hướng sự chú ý của mình đến một cảnh - scenery

*TS; Trường Đại học Sài Gòn; Email: ntphuong@sgu.edu.vn

(cũng còn được dịch là kịch cảnh hoặc phối cảnh), một cách tự nhiên, chúng ta sẽ cho một số yếu tố nào đó trong cảnh nổi trội hơn về phương diện tri giác so với những yếu tố khác. *“Hình thường là cái gì đó dễ nhận thấy, mang tính động hơn, dễ mô tả hơn và nhỏ hơn về kích thước so với Nền. Chính vì thế mà nó thu hút sự quan tâm chú ý của chúng ta nhiều hơn. Nếu hai thực thể có kích cỡ cũng như độ nổi trội tương đương nhau thì chúng ta có thể hoán đổi vị trí của Hình và Nền”* [Radden. G and Dirven. R, 2007, tr.28].

Talmy cho rằng, ngay cả khi người nói hoàn toàn không muốn quy thực thể này là Hình, thực thể kia là Nền thì ngôn ngữ cũng đã mặc nhiên “áp đặt” đặc trưng ngữ nghĩa này vào sự hình thành mệnh đề cơ bản như những đặc trưng đã có từ trước. Nói cách khác, trong ngôn ngữ cũng tồn tại hai chức năng tri nhận cơ bản, là Hình và Nền. [Talmy. L, 2000].

2. Một số nội dung lí thuyết và thực tiễn liên quan

2.1. Ý niệm

Lý Toàn Thắng cho rằng: *“Ý niệm không phải và không chỉ là kết quả của quá trình tư duy mà là sản phẩm của hoạt động tri nhận, nó là cái chứa đựng kiến thức tri thức hay sự hiểu biết của con người trên cơ sở kinh nghiệm từ đời này qua đời khác. Chỉ khi nào con người thụ đắc được kinh nghiệm thì kinh nghiệm mới biến thành ý niệm. Ý niệm không chỉ mang tính nhân loại phổ quát mà còn mang tính tương đối đặc thù văn hóa-dân tộc do gắn liền với ngôn ngữ và văn hóa của mỗi cộng đồng dân tộc nhất định. Các quá trình tinh thần có trong sự ý niệm hóa ngôn giải còn được gọi là các “thao tác tinh thần”* [Lý Toàn Thắng, 2009, tr.285]. Nói cách khác, theo Lý Toàn Thắng (2005), mỗi ngôn ngữ tự nhiên của mỗi cộng đồng dân tộc - văn hóa “chia cắt” thế giới theo những cách khác nhau, phản ánh một cách tri giác và ý niệm hóa thế giới nhất định, từ đó mà chúng ta có được những “bức tranh thế giới” đa dạng.

2.2. Ẩn dụ ý niệm

Ẩn dụ ý niệm (Conceptual metaphors) là một cơ chế trong quá trình tri nhận của con người. Ngôn ngữ học truyền thống coi ẩn dụ là một phương tiện tu từ, cách sử dụng ngôn ngữ để tạo ra sự tương đồng giữa hai sự vật hoặc hiện tượng. Ngôn ngữ học tri nhận khẳng định ẩn dụ không chỉ là phương tiện tu từ mà còn là phương thức của tư duy, là công cụ để ý niệm hóa thế giới. *“Theo Lakoff, Ẩn dụ ý niệm (Conceptual metaphor) là các ánh xạ có tính hệ thống giữa hai miền ý niệm: miền nguồn là một phạm trù trải nghiệm được ánh xạ hay phóng chiếu vào miền đích là một miền trải nghiệm khác”* [Dẫn theo Nguyễn Thiện Giáp, 2009, tr.240]. Như vậy, theo cách hiểu chung nhất, Ẩn dụ ý niệm được xem như là cách nhìn một đối tượng này qua một đối tượng khác, và theo nghĩa này ẩn dụ là một trong những phương thức biểu tượng tri thức dưới dạng ngôn ngữ. Về nguồn gốc, Ẩn dụ ý niệm đáp ứng nhu cầu nhận thức thế giới của con người. Đó là cách mà con người sử dụng để ý niệm hóa một miền tâm trí này thông qua một miền tâm trí khác. Các ẩn dụ này hoạt động như các công cụ tri nhận, thể hiện quá trình ý niệm hóa thế giới, và cách con người suy nghĩ về các sự vật và hiện tượng.

Các Ẩn dụ ý niệm thường được diễn đạt qua công thức A như (là) B. Tuy nhiên, không phải toàn bộ ý niệm đích được hiểu qua toàn bộ ý niệm nguồn mà sự chiếu xạ giữa A và B mang tính chất bộ phận, tức là chỉ một bộ phận của ý niệm nguồn B được chiếu xạ lên ý niệm đích A và chỉ một bộ phận của ý niệm đích A được bao hàm trong sự chiếu xạ từ ý niệm nguồn B. Theo quan điểm của Ngôn ngữ học tri nhận, một Ẩn dụ ý niệm có thể được thể hiện bằng nhiều biểu thức ẩn dụ ngôn ngữ. Chẳng hạn với ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ TIỀN BẠC, qua sơ đồ ánh xạ hai miền, có rất nhiều cách khác nhau để thể hiện ý niệm này thông qua các ẩn dụ ngôn ngữ, ví dụ:

Chúng ta phải tiết kiệm thời gian; Anh đang lãng phí thời gian của tôi; Anh ta đã tốn rất nhiều thời gian vào chuyện đó; anh còn rất nhiều thời gian.

2.3. Sự tương hợp trong ẩn dụ

Đôi khi các ẩn dụ liên kết với nhau không chỉ bởi vì chúng là những trường hợp đặc biệt của một ẩn dụ khái quát hơn nào đó, hay bởi vì chúng ánh xạ thành một cấu trúc đích, mà còn do chúng có cùng một cơ sở nền trong những trải nghiệm hàng ngày hay cùng một kiến thức thông thường chung

như nhau. Mỗi ẩn dụ đều có một cơ sở nền tảng của những trải nghiệm thân thể rất vững chắc. Những kiến thức phổ quát chung đã được liên kết lại, dùng để nối lĩnh vực nguồn và lĩnh vực đích. Sự tương hợp giữa các ẩn dụ: sự kết hợp của vài ẩn dụ cơ sở sẽ gọi lên cái nền tảng của các ẩn dụ đó nhờ vào những kiến thức và trải nghiệm chung rất thông thường. Một khi những trải nghiệm và kiến thức này liên kết các ẩn dụ lại thì dường như tất cả đã được tạo ra một cách tự nhiên và hiển nhiên. Các ẩn dụ phức hợp này đánh thức trong mỗi chúng ta những trải nghiệm và kiến thức vốn đã tạo thành cơ sở cho các ẩn dụ đó, mặt khác, chúng tạo ra sự tương hợp giữa những trải nghiệm và kiến thức đã biết, rồi dẫn dắt để tạo ra sự tương hợp mới mẻ khác dựa vào những cái mà chúng ta đã biết và trải nghiệm.

2.4. Về “báo mạng điện tử”

Báo mạng còn gọi là báo trực tuyến, báo điện tử hoặc tin tức trực tuyến, là một dạng của báo chí được xây dựng trên một trang Web và phát hành thông qua Internet. Báo điện tử có tổ chức tòa soạn trực tuyến để xuất bản tin tức và người đọc truy cập trên các thiết bị cá nhân có kết nối internet. Khác biệt so với một trang Web thông thường hay trang thông tin điện tử, báo điện tử cập nhật tin tức nhanh, đặc biệt là tin nóng hay tin giật gân (breaking news).

“Thuật ngữ “báo mạng” hoặc “báo trực tuyến” ban đầu xuất phát ở Mỹ và trở thành cụm từ thông dụng toàn cầu. “Trực tuyến” là thuật ngữ được sử dụng trong lĩnh vực tin học. Hiện nay thuật ngữ này đã trở thành một phần của lĩnh vực truyền thông và được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực truyền thông, được sử dụng để đề cập đến các khái niệm liên quan như “xuất bản trực tuyến”, “phương tiện truyền thông trực tuyến”, “phát thanh trực tuyến” (Michael Schudson, 2003, tr.23). Tiếng Anh gọi là “Online newspaper”. Sự phổ biến và thuận tiện của thuật ngữ “Online” là phần không thể thiếu khi đề cập đến các phiên bản báo chí như “Báo tin tức online”, “Tuổi trẻ online”,...

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Với một quốc gia, nền kinh tế có vai trò cực kì quan trọng. Nền kinh tế có phát triển tốt thì đời sống vật chất, tinh thần của người dân mới ổn định và từng bước được nâng cao. Đồng thời sự phát triển này cũng là nền tảng cơ sở để phát triển các lĩnh vực khác như chính trị, văn hóa, giáo dục. Từ đó thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển theo hướng ngày càng văn minh, tiến bộ. Như các nhà triết học, chính trị học đã chỉ ra vật chất quyết định ý thức, cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng. Mặt khác, kinh tế càng phát triển thì con người càng có điều kiện chăm lo đến sức khỏe thể chất, tinh thần và xã hội của mỗi cá nhân cũng như của cả cộng đồng.

Nền kinh tế được ví như một cơ thể sống có nghĩa là có lúc thăng, lúc trầm, lúc phát triển ổn định, khỏe mạnh, tăng trưởng tốt; lúc lại bị suy yếu, thậm chí là khủng hoảng nghiêm trọng. Người Việt coi nền kinh tế cũng như cơ thể sống của con người, như tình trạng sức khỏe của con người, lúc suy yếu, khủng hoảng thì như lâm trọng bệnh, vì vậy ta có Ẩn dụ ý niệm: KINH TẾ LÀ BỆNH TẬT.

Khi nền kinh tế đi vào hồi kết, suy sụp trầm trọng thì được người Việt coi như một cơ thể sống mang nhiều bệnh tật:

- (1). CPI tăng nhanh - dấu hiệu một nền kinh tế ốm yếu. [<http://dantri.com.vn>]
- (2). Lối thoát nào cho một nền kinh tế đang “ốm yếu”. [<http://www.bongda.com.vn>]
- (3). 72 nghìn doanh nghiệp đang ốm yếu. [<http://www.tinmoi.vn>]
- (4). Chưa đánh giá đúng mức độ “ốm yếu” của nền kinh tế. [<http://laodong.com.vn>]
- (5). Khi nền kinh tế què quặt thì lấy đâu chứng khoán đi lên. [<http://www.24h.com.vn>]
- (6). Doanh nghiệp ốm đau què quặt thì cứu làm gì? [<http://www.24h.com.vn>]
- (7). Giảm giá, sức mua vàng èo uột. [<http://www.tin247.com>]
- (8). Sức đề kháng của nền kinh tế Việt Nam thấp. [<http://laodong.com.vn>]

Những biểu thức ngôn ngữ như “ốm yếu” “ốm đau” “què quặt” “èo uột”, “sức đề kháng”... vốn để chỉ trạng thái hoạt động không bình thường của cơ thể khi mắc bệnh. Khi con người bị bệnh, hệ miễn dịch hay sức đề kháng trở nên suy yếu và biểu hiện ra bên ngoài bên ngoài những dấu hiệu tiêu cực như mệt mỏi, tinh thần suy sụp, không có sức sống, cơ thể uể oải... Trên cơ sở đó người Việt đã

hình thành ấn dụ ý niệm đề tri nhận về nền kinh tế. Khi nền kinh tế kém phát triển, thậm chí suy thoái cũng có những biểu hiện tiêu cực như cơ thể con người khi mắc bệnh vậy. Có thể hình dung sơ đồ ánh xạ giữa hai miền này qua khung tri nhận tại bảng dưới đây:

Bảng 1. Kinh tế là Bệnh tật

NGUỒN (bệnh tật)	ĐÍCH (kinh tế)
Ôm yếu	Nền kinh tế lao dốc
Què quặt	Kinh tế khủng hoảng, suy yếu
Ôm đau	Kinh tế trải qua thời kì khó khăn
Èo uột	Kinh tế suy thoái nghiêm trọng
Sức đề kháng	Kinh tế suy sụp không thể chống đỡ, khó vượt qua

Khi bị mắc bệnh, con người có nhiều biểu hiện ra bên ngoài, trong đó có sự gia tăng nhiệt độ cơ thể như sốt, rơi vào trạng thái hạ huyết áp, chóng mặt, xây xẩm,... Người Việt đã có sự liên tưởng những trạng thái này của cơ thể khi bị bệnh với sự biến động của nền kinh tế, từ đó xuất hiện ấn dụ bậc dưới: *Sự biến động của nền kinh tế là trạng thái cơ thể con người khi bị bệnh*. Ta có thể nhận thấy rõ ràng qua các diễn ngôn sau:

- (9). *Bất động sản sẽ không còn “sốt nóng sốt lạnh”*. [<http://ngoisao.vn>]
- (10). *Thị trường bất động sản khó lên cơn sốt giá*. [<http://giaoducthoidai.vn>]
- (11). *Bất động sản có lặp lại kịch bản “sốt đất”*. [<http://vi.wiktionary.org>]
- (12). *Thị trường bất động sản đang sốt trở lại*. [<http://www.nhandan.com.vn>]
- (13). *Thực phẩm tăng giá chóng mặt trong đợt rét đầu năm*. [<http://www.24h.com.vn>]
- (14). *Rau củ quả tăng giá chóng mặt*. [<http://giaitri.vnexpress.net>]
- (15). *Cơn sốt vàng đã hạ nhiệt*. [<http://vietbao.vn>]
- (16). *Cơn sốt vàng và những thử thách đối với nền kinh tế*. [<http://thethaovanhoa.vn>]

Khi mắc một số bệnh, cơ thể con người có sự thay đổi bất thường về thân nhiệt. Bình thường, nhiệt độ cơ thể người ở mức 37 độ C. Nhưng khi bị cảm lạnh, nhiệt độ có thể giảm xuống dưới 37 độ hoặc khi bị sốt vì rút, viêm họng nhiệt độ có thể tăng đến 39 - 40 độ C và thường gây ra những tác hại khôn lường như thiếu nước, co giật nếu không hạ nhiệt kịp thời. Và dĩ nhiên, các triệu chứng này sẽ gây ra những hậu quả tai hại khác cho cơ thể. Trên cơ sở hiểu biết này về sự thay đổi thân nhiệt, về trạng thái mất thăng bằng của cơ thể (*chóng mặt*) người Việt liên hệ đến sự tăng, giảm giá cả của vàng, thực phẩm, bất động sản. Thị trường bất động sản biến động thất thường thì gọi là “*sốt nóng*” “*sốt lạnh*”; giá đất đột ngột tăng cao thì gọi là “*sốt đất*”. Vàng tăng hoặc giảm giá mạnh và kéo theo nhu cầu mua bán cao của người dân thì gọi là “*cơn sốt vàng*”. Giá cả thực phẩm tăng cao đột ngột thì gọi là “*tăng chóng mặt*”. Người Việt đã sử dụng miền nguồn là bệnh tật cơ thể, là trạng thái không bình thường của cơ thể khi bị bệnh đề tri nhận về sự biến động của nền kinh tế. Từ đó con người dễ dàng hiểu và tiếp nhận một vấn đề vốn mang tính chất trừu tượng. Có thể hình dung qua khung tri nhận tại bảng dưới đây:

Bảng 2. Sự biến động của nền kinh tế là trạng thái cơ thể con người khi bị bệnh

NGUỒN (Trạng thái cơ thể người)	ĐÍCH (Sự biến động của nền kinh tế)
Sốt nóng sốt lạnh	Kinh tế biến động thất thường, lúc lên lúc xuống
Cơn sốt	Kinh tế biến động liên tục
Tăng chóng mặt	Kinh tế tăng cao đột ngột

Khi con người bị mắc bệnh thì dĩ nhiên phải tìm cách chữa bệnh. Cũng như thế, khi nền kinh tế rơi vào trạng thái khủng hoảng, kém phát triển thì rất cần có những liều thuốc bổ, những cuộc đại phẫu để phục hồi nền kinh tế:

(17). Ngân hàng và doanh nghiệp có thêm khoảng thời gian và điều kiện cần thiết để *dưỡng sức* trước **cuộc đại phẫu**. [<http://tiin.vn>]

(18). Chúng ta cần xem đây là **cuộc đại phẫu** ghê gớm nhất, lớn nhất, từ đó sẽ xử lý bất ổn tốt nhất! [<http://giaitri.vnexpress.net>]

(19). Tạm hoãn “**đại phẫu**” nợ xấu để cứu thêm doanh nghiệp. [<http://giaoducthoidai.vn>]

(20). Đẩy mạnh thu hút khách hàng lẻ hiện đang được coi là một xu hướng mới của các ngân hàng. Tuy nhiên, liệu việc đổ xô ra “chợ” có giúp các ngân hàng “**sống**” như kỳ vọng? [<http://vi.wiktionary.org>]

(21). Giải pháp **phục hồi** nền kinh tế. [<http://vi.wiktionary.org>]

(22). Đã có **thuốc** chữa bệnh cho vàng. [<http://www.24h.com.vn>]

(23). Uống nhầm **doping** vàng tăng quá đà. [<http://m.vietnamnet.vn>]

(24). Với hai văn bản ban hành ngày 23/8, Ngân hàng Nhà nước coi đó là **liều thuốc trị** sự bất kham của thị trường vàng trong 3 ngày qua. [<http://www.nhandan.com.vn>]

(25). Có những khác biệt lớn giải thích vì sao Ngân hàng Nhà nước trước mắt có thể kiên quyết không dùng đến “**liều thuốc an thần**” quen thuộc trước đây trên thị trường vàng. [<http://www.vietnamplus.vn>]

(26). Như vậy, tìm giải pháp **tăng sức đề kháng** để vượt qua dịch bệnh cho doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung là một vấn đề quan trọng được đặt ra. [<http://www.tinmoi.vn>]

Các doanh nghiệp, ngân hàng, kim loại vàng là những yếu tố quan trọng của một nền kinh tế. Những năm gần đây, do ảnh hưởng nhiều của đại dịch, nền kinh tế Việt Nam rơi vào khủng hoảng trầm trọng và kéo theo sự mất ổn định của ngân hàng, sự phá sản của nhiều doanh nghiệp và thứ tài sản quý “vàng” cũng biến động khó lường. Chính vì thế, cần tìm những giải pháp, sách lược để cứu vãn các doanh nghiệp, ngân hàng, bình ổn giá vàng cũng là để cứu cánh nền kinh tế rơi vào khủng hoảng. Có thể hình dung qua bảng sau:

Bảng 3. Giải pháp phục hồi nền kinh tế là thuốc chữa bệnh

NGUỒN (chữa bệnh)	ĐÍCH (giải pháp phục hồi nền kinh tế)
cuộc đại phẫu	chiến lược cải tạo, đưa quyết sách mới
sống	sự phát triển tốt của một số doanh nghiệp
phục hồi	giải pháp khôi phục kinh tế
thuốc chữa bệnh	cải cách nền kinh tế
doping	nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế
liều thuốc an thần	nền kinh tế tiến đến ổn định
hạ nhiệt	giải pháp phục hồi kinh tế mang lại hiệu quả

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy người Việt dùng những biểu thức ngôn ngữ chỉ hoạt động, phương thức cứu chữa bệnh như “*cuộc đại phẫu*”, “*cứu*”, “*dưỡng sức*”, “*phục hồi*”, “*thuốc chữa bệnh*”, “*liều thuốc trị*”, “*liều thuốc an thần*”,... để chỉ những giải pháp, chiến lược, sách lược nhằm phục hồi nền kinh tế. Khi con người bị bệnh, cho dù nhẹ hay nặng thì đều phải cần dùng thuốc chữa mới có thể khỏi bệnh. Nền kinh tế muốn hồi phục thì cũng cần có những liều thuốc đặc trị, những giải pháp hợp lý mới có thể đưa nền kinh tế dần dần ổn định trở lại. Đây chính là cơ sở của Ấn dụ ý niệm bậc dưới: *Giải pháp phục hồi nền kinh tế là thuốc chữa bệnh*. Liệu những giải pháp trên có tác dụng đối với nền kinh tế? Thực tế cho thấy:

(27). Hà Nội có những doanh nghiệp “**sống**” trong suy thoái kinh tế. [<http://www.vietnamplus.vn>]

(28). Môi giới **sống** với căn hộ giá rẻ chênh cao. [<http://www.tinmoi.vn>]

(29). “Bỏ sỉ theo lẽ”, các ngân hàng có “**sống**”? [<http://vietbao.vn>]

(30). Giá vàng hạ nhiệt, USD tự do tăng trở lại. [<http://giaitri.vnexpress.net>]

(31). *Lực bán tăng mạnh, giá vàng hạ nhiệt*. [http://giaitri.vnexpress.net]

Từ “*sống*” vốn được dùng để chỉ trạng thái hồi phục sức khỏe của con người, thì nay được chuyển sang chỉ các hoạt động của nền kinh tế, chỉ sự phát triển tốt của một số doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế suy yếu, khủng hoảng như hiện nay. Và sau rất nhiều nỗ lực của nhà nước thì giá vàng đã *hạ nhiệt* và bình ổn. Như vậy những giải pháp phục hồi nền kinh tế đã từng bước có tác dụng ở từng thành phần của nền kinh tế. Ở đây xuất hiện ẩn dụ ý niệm bậc dưới: *kết quả của biện pháp phục hồi nền kinh tế là hiệu quả của thuốc chữa bệnh*.

Như vậy, theo kết quả khảo sát, người Việt đặc biệt quan tâm đến sự vận động và phát triển của nền kinh tế, các giải pháp phục hồi để phát triển nền kinh tế.

4. Kết luận

Từ những ngữ liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy tần số xuất hiện của các diễn ngôn này là 31/150, chiếm tỉ lệ 20,7%. Qua đó thấy rằng, con người dùng chính những kinh nghiệm hiểu biết về cơ thể của mình ở góc độ y học, y tế như trạng thái của cơ thể khi khỏe mạnh hay khi mắc bệnh, cách phòng bệnh, chữa bệnh... để tri nhận về nền kinh tế khiến cho những vấn đề vốn trừu tượng, phức tạp của nền kinh tế trở nên sống động và gần gũi, dễ nắm bắt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Trần Văn Cơ (2009), *Khảo luận - Ẩn dụ tri nhận*, Nxb Lao động - Xã hội, TP. Hồ Chí Minh.
3. Hữu Đạt (2011), *Tri nhận không gian, thời gian trong thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa.
4. Nguyễn Thiện Giáp (1998), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Thiện Giáp, 2009, *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
6. David Lee (2014), *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, [Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hồng An (dịch)]
7. Nguyễn Thị Bích Hạnh (2014), *Ẩn dụ tri nhận trong ca từ của Trịnh Công Sơn*, L.A Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
8. Đào Thị Hà Ninh (2005), *George Lakoff và một số vấn đề về ngôn ngữ học tri nhận*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 5.
9. Lý Toàn Thắng, 2005, 2009, (tái bản, có sửa chữa, bổ sung), *Ngôn ngữ học tri nhận - từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Tiếng Anh

10. George Lakoff and Mark Johnsen (2003), *Metaphors we live by*, London: The university of Chicago press.
11. Lakoff, G. & M. Johnson (1980a), *Metaphors We Live by*, The University of Chicago Press, Chicago and London
12. Lakoff, G. & M. Johnson (2003). *Chúng ta sống bằng ẩn dụ* (dịch: Nguyễn Thị Kiều Thu), NXB. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.
13. Kövecses, Z. (2002), *Metaphor: A practical Introduction*, Oxford University Press 187.
14. Kövecses, Z. (2005), *Metaphor in Culture: universality and Variation*, Cambridge University Press.
15. Langacker, R.W. (1987), *Foundations of Cognitive Grammar (Vol. 1)*, Standford, California: Standford University Press

16. Michael Schudson, (2003), *Sức mạnh của tin tức truyền thông* (bản dịch cuốn The Power of News, Harvard, Harvard University Press, 1995, người dịch Thế Hùng, Trà My), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Radden. G and Dirven. R (2007), *Cognitive English Grammar*, John Benjamins Publishing Company.
18. Sun Ling (2010), *A Cognitive Study of War Metaphors in Five Main Areas of Everyday English: Politics, Business, Sport, Disease and Love*, School of Teacher Education Kristianstad University, Tutor: Carita Lundmark.
19. Talmy. L (2000), *Toward a Cognitive Semantics*, Vol.1, The MIT Press.)

Các trang Web

1. <http://www.baomoi.com>
2. <http://vietbao.vn>
3. <http://dantri.com.vn>
4. <http://www.tinmoi.vn>
5. <http://giaitri.vnexpress.net>
6. <http://giaoducthoidai.vn>
7. <http://vi.wiktionary.org>
8. <http://www.24h.com.vn>
9. <http://m.vietnamnet.vn>
11. <http://www.nhandan.com.vn>
12. <http://www.vietnamplus.vn>
13. <http://ngoisao.vn>
14. <http://www.tin247.com>
15. <http://laodong.com.vn>

**The conceptual metaphor of “ECONOMY IS A DISEASE”
in Vietnamese online newspapers**

Abstract: By applying the theory of conceptual metaphor and based on understanding of the semantic structure of the category of Disease, we have initially pointed out some conceptual models of Disease in Vietnamese press discourse. Essentially, the transmission of concepts from various source domains to the disease target domain primarily operates through a metaphorical mechanism. Disease categories exert significant influence on the economic areas in the society. Through these conceptual metaphors, the Vietnamese's depiction of illness is vivid and lively. In the perception of Vietnamese individuals, illnesses have negative connotations, which often correlate with other domains, represent negativity in life. That mirrors the diversity and richness of the Vietnamese people's worldview.

Key words: conceptual metaphor; category; disease; economics; online newspapers.